

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND



	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,385,757,017,726	1,141,941,249,354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	101,668,222,834	111,656,276,573
1. Tiền	111		80,068,222,834	88,656,276,573
2. Các khoản tương đương tiền	112		21,600,000,000	23,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		107,752,822,178	107,562,972,164
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	107,752,822,178	107,562,972,164
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		748,545,921,782	500,083,103,563
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	620,341,717,310	466,935,976,739
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	76,782,397,476	12,808,234,185
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	51,421,806,996	20,338,892,639
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		390,769,939,376	395,515,521,233
1. Hàng tồn kho	141	V.6	435,386,982,870	410,603,366,965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(44,617,043,494)	(15,087,845,732)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37,020,111,556	27,123,375,821
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	534,734,140	773,299,178
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19,242,181,794	14,680,336,895
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	774,597,062	530,658,754
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	16,468,598,560	11,139,080,994

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		496,398,411,112	467,445,826,633
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		382,776,265,547	378,781,199,443
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	325,838,924,454	334,721,080,006
<i>Nguyên giá</i>	222		520,615,251,784	485,535,019,634
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(194,776,327,330)	(150,813,939,628)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	51,916,576,306	37,878,432,783
<i>Nguyên giá</i>	228		53,056,318,740	38,798,741,240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,139,742,434)	(920,308,457)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	5,020,764,787	6,181,686,654
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		61,655,242,690	60,655,242,690
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	61,655,242,690	60,655,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		51,966,902,875	28,009,384,500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	51,125,009,275	27,167,490,900
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	841,893,600	841,893,600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,882,155,428,838	1,609,387,075,987

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		751,686,506,481	729,355,080,532
I. Nợ ngắn hạn	310		749,342,020,457	704,082,734,258
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	243,106,016,187	249,283,832,136
2. Phải trả người bán	312	V.18	213,786,877,159	165,684,198,181
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	6,265,986,792	577,547,162
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	41,791,355,396	34,698,238,383
5. Phải trả người lao động	315	V.21	22,376,128,828	26,421,160,944
6. Chi phí phải trả	316	V.22	2,102,500,000	4,592,971,990
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	154,444,498,281	168,533,908,670
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	34,550,000,000	34,550,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	30,918,657,814	19,740,876,792
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,344,486,024	25,272,346,274
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	23,627,560,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	2,344,486,024	1,644,785,581
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,130,468,922,357	880,031,995,455
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,130,468,922,357	880,031,995,455
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	471,512,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	190,492,000,000	191,808,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(36,897,215,355)	(32,725,310,618)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	505,361,407,712	249,436,576,073
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,882,155,428,838	1,609,387,075,987

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3,488,942.88	4,215,390.61
Euro (EUR)		298.12	426.42
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 10 năm 2011



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng




Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ III/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		Đơn vị tính: VND
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	928,348,593,882	690,658,575,908	2,556,462,383,220	2,038,397,996,937	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2,261,776,222	10,397,322,588	10,048,370,499	11,328,734,801	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	926,086,817,660	680,261,253,320	2,546,414,012,721	2,027,069,262,136	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	773,144,774,542	548,394,397,201	2,099,500,052,637	1,677,441,022,506	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152,942,043,118	131,866,856,119	446,913,960,084	349,628,239,630	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12,401,407,992	13,909,156,711	95,063,206,722	41,899,678,555	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12,436,920,070	10,485,750,308	53,317,030,121	33,951,228,863	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,065,639,769	5,885,426,249	27,254,304,208	17,457,759,377	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	44,634,264,531	61,676,219,373	128,797,152,017	155,317,734,046	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10,518,004,442	4,710,146,196	23,129,616,486	18,492,812,099	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		97,754,262,067	68,903,896,953	336,733,368,182	183,766,143,177	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	970,829,666	846,046,322	1,172,573,652	1,422,197,518	
12. Chi phí khác	32	VI.8	231,762,422	11,477,546	2,653,163,006	80,933,190	
13. Lợi nhuận khác	40		739,067,244	834,568,776	(1,480,589,354)	1,341,264,328	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		98,493,329,311	69,738,465,729	335,252,778,828	185,107,407,505	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	20,931,321,848	11,545,416,488	60,345,500,189	30,587,664,154	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52						
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		77,562,007,463	58,193,049,241	274,907,278,639	154,519,743,351	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9					

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 10 năm 2011



(Handwritten signature)

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ III/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		335,252,778,828	185,107,407,505
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	44,181,821,679	37,802,272,985
- Các khoản dự phòng	03	V.7	29,529,197,762	2,026,384,651
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	6,199,696,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.8	(31,449,686,719)	(9,309,373,781)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	27,254,304,208	17,457,759,377
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		404,768,415,758	239,284,146,737
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(257,007,885,177)	(97,154,723,973)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24,783,615,905)	(73,558,877,226)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		26,196,752,313	163,619,790,047
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(23,718,953,337)	(5,270,540,043)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(27,254,304,208)	(17,741,478,624)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(53,754,426,172)	(22,584,356,714)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,049,111,260	577,291,050
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8,853,777,238)	(4,683,987,001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36,641,317,294	182,487,264,253
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13	(41,975,626,387)	(59,275,912,015)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(103,314,987,553)	(165,318,696,835)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		103,504,837,567	89,669,791,091
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	31,449,686,719	9,309,373,781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11,336,089,654)	(125,615,443,978)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.27	-	126,960,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.27	(5,487,904,737)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	1,311,591,656,745	296,267,485,611
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(1,341,397,033,387)	(454,714,926,061)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	-	(25,850,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(35,293,281,379)</i>	<i>(31,513,290,450)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(9,988,053,739)</i>	<i>25,358,529,825</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>111,656,276,573</i>	<i>128,714,275,030</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>-</i>	<i>(1,103,135,817)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>101,668,222,834</i>	<i>152,969,669,038</i>

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
30/09/2011 : 20.628 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	6.080.918.694	4.971.584.216
Tiền gửi ngân hàng	73.987.304.140	83.684.692.357
Các khoản tương đương tiền (*)	21.600.000.000	23.000.000.000
Cộng	<u>101.668.222.834</u>	<u>111.656.276.573</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	29.252.822.178	32.197.256.415
Cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 tạm ứng	78.500.000.000	70.000.000.000
Cho Ông Phan Ngọc Ân tạm ứng	-	5.365.715.749
Cộng	<u>107.752.822.178</u>	<u>107.562.972.164</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	35.452.461.566	20.453.917.323
Các khách hàng nước ngoài	584.889.255.744	446.482.059.416
Cộng	<u>620.341.717.310</u>	<u>466.935.976.739</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp trong nước	76.762.913.906	7.792.705.125
Các nhà cung cấp nước ngoài	19.483.570	5.015.529.060
Cộng	<u>76.782.397.476</u>	<u>12.808.234.185</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - thu hộ tiền hàng	44.561.780.950	17.868.038.116
Phải thu khác	6.860.026.046	2.470.854.523
Cộng	<u>51.421.806.996</u>	<u>20.338.892.639</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường	-	84.882.960.682
Nguyên liệu, vật liệu	31.814.547.549	27.084.051.170
Công cụ, dụng cụ	2.372.198.178	2.401.572.908
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	214.635.197.513	217.794.939.402
Thành phẩm	186.216.720.147	66.770.672.102

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Hàng hóa	348.319.483	222.614.917			
Hàng gửi bán	-	11.446.555.784			
Cộng	<u>435.386.982.870</u>	<u>410.603.366.965</u>			
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho					
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Nguyên liệu, vật liệu	563.241.116	337.367.454			
Công cụ, dụng cụ	52.935.125	22.003.532			
Thành phẩm	43.993.867.253	14.728.474.746			
Cộng	<u>44.617.043.494</u>	<u>15.087.845.732</u>			
8. Chi phí trả trước ngắn hạn					
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:					
Số đầu kỳ	773.299.178				
Tăng trong kỳ	876.716.277				
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.115.281.315)				
Số cuối kỳ	<u>534.734.140</u>				
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	774.597.062	530.658.754			
Cộng	<u>774.597.062</u>	<u>530.658.754</u>			
10. Tài sản ngắn hạn khác					
Tạm ứng cho nhân viên Công ty.					
11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	164.797.696.297	313.945.614.464	5.937.983.403	853.725.470	485.535.019.634
Tăng trong kỳ	5.732.107.045	27.342.143.286	2.005.981.819	-	35.080.232.150
Số cuối kỳ	<u>170.529.803.342</u>	<u>341.287.757.750</u>	<u>7.943.965.222</u>	<u>853.725.470</u>	<u>520.615.251.784</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	23.861.798.405	123.410.291.773	2.899.403.164	642.446.286	150.813.939.628
Khấu hao trong kỳ	8.780.181.977	34.450.026.569	636.020.072	96.159.084	43.962.387.702
Số cuối kỳ	<u>32.641.980.382</u>	<u>157.860.318.342</u>	<u>3.535.423.236</u>	<u>738.605.370</u>	<u>194.776.327.330</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	140.935.897.892	190.535.322.691	3.038.580.239	211.279.184	334.721.080.006
Số cuối kỳ	<u>137.887.822.960</u>	<u>183.427.439.408</u>	<u>4.408.541.986</u>	<u>115.120.100</u>	<u>325.838.924.454</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 177.563.344.016 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	38.258.511.450	540.229.790	38.798.741.240
Mua trong kỳ	14.257.577.500	-	14.257.577.500
Số cuối kỳ	52.516.088.950	540.229.790	53.056.318.740
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	507.095.943	413.212.514	920.308.457
Khấu hao trong kỳ	157.374.603	62.059.374	219.433.977
Số cuối kỳ	664.470.546	475.271.888	1.139.742.434
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	37.751.415.507	127.017.276	37.878.432.783
Số cuối kỳ	51.851.618.404	64.957.902	51.916.576.306

Quyền sử dụng đất có nguyên giá là 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công trình nhà xưởng số 1	75.386.075			75.386.075
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250			1.920.571.250
Tài sản khác	-	153.727.273		153.727.273
Sửa chữa lớn TSCĐ	732.181.156	5.316.370.192	(6.048.551.348)	-
Chi phí đào ao nuôi cá	3.453.548.173	7.481.430.181	(8.063.898.165)	2.871.080.189
Cộng	6.181.686.654	12.951.527.646	(14.112.449.513)	5.020.764.787

14. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	5.200.371	52.003.709.506	5.200.371	52.003.709.506
Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2		1.000.000.000		-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		8.651.533.184		8.651.533.184
Cộng		61.655.242.690		60.655.242.690

15. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu kỳ	27.167.490.900
Tăng trong kỳ	27.729.113.052
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(5.632.329.842)
Số cuối kỳ	49.264.274.110

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Tài sản dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	173.106.016.187	50.483.832.136
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp		198.800.000.000
- Ngân hàng Công thương Đồng Tháp ⁽ⁱⁱ⁾	70.000.000.000	-
Cộng	<u>243.106.016.187</u>	<u>249.283.832.136</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Công Thương Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	249.283.832.136
Số tiền vay phát sinh	1.311.591.656.745
Số tiền vay đã trả	<u>(1.317.769.472.694)</u>
Số cuối kỳ	<u>243.106.016.187</u>

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp trong nước	206.719.728.231	134.599.102.940
Các nhà cung cấp nước ngoài	7.067.148.928	31.085.095.241
Cộng	<u>213.786.877.159</u>	<u>165.684.198.181</u>

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	2.692.462.657	312.022.075
Các khách hàng nước ngoài	3.573.524.135	265.525.087
Cộng	<u>6.265.986.792</u>	<u>577.547.162</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	15.254.888.205	(15.254.888.205)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(530.658.754)	4.380.188.226	(4.624.126.534)	(774.597.062)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.431.111.653	60.345.500.189	(53.754.426.172)	41.022.185.670
Thuế thu nhập cá nhân	267.126.730	1.095.753.500	(593.710.504)	769.169.726

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế nhà đất	-	442.068.489	(442.068.489)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	34.167.579.629	81.521.398.609	(74.672.219.904)	41.016.758.334

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và tháng 13 phải trả công nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí phải trả cho luật sư	-	4.545.261.990
Chi phí khác	2.102.500.000	47.710.000
Cộng	2.102.500.000	4.592.971.990

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cổ tức phải trả	45.400.000	45.400.000
Kinh phí công đoàn	2.271.968.032	1.693.839.082
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.041.935.719	554.638.042
Các khoản phải trả khác	151.085.194.530	166.240.031.546
Cộng	154.444.498.281	168.533.908.670

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Trích quỹ trong kỳ	Thu khác trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	16.059.953.789	14.701.748.000		(4.417.607.000)	26.344.094.789
Quỹ phúc lợi	3.680.923.003	4.280.699.000	1.049.111.260	(4.436.170.238)	4.574.563.025
Cộng	19.740.876.792	18.982.447.000	1.049.111.260	(8.853.777.238)	30.918.657.814

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu kỳ	1.644.785.581
Số trích lập trong kỳ	867.193.443
Số chi trong kỳ	(167.493.000)
Số cuối kỳ	2.344.486.024

27. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	471.512.730.000	191.808.000.000	(32.725.310.618)	249.436.576.073	880.031.995.455
Lợi nhuận trong kỳ		(1.316.000.000)		274.907.278.639	273.591.278.639
Trích quỹ trong kỳ				(18.982.447.000)	(18.982.447.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành			(4.171.904.737)		(4.171.904.737)
Số dư cuối kỳ	471.512.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	505.361.407.712	1.130.468.922.357

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.198.750)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.198.750)
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.556.462.383.220	2.038.397.996.937
- Doanh thu bán hàng hóa	456.917.333.665	402.453.032.406

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	1.717.808.646.822	1.371.816.881.019
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.177.603.345	3.601.222.003
- Doanh thu nguyên vật liệu	11.050.121.323	248.291.532.291
- Doanh thu phế phẩm	335.508.678.065	12.235.329.218
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(10.048.370.499)	(11.328.734.801)
- Hàng bán bị trả lại	(9.887.135.718)	(10.740.965.768)
- Giảm giá hàng bán	(161.234.781)	(587.769.033)
Doanh thu thuần	2.546.414.012.721	2.027.069.262.136
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	455.830.493.224	399.913.566.963
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.708.847.116.764	1.363.027.611.661
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	11.050.121.323	3.601.222.003
- Doanh thu thuần phụ phẩm	335.508.678.065	248.291.532.291
- Doanh thu thuần dịch vụ	35.177.603.345	12.235.329.218

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	409.833.643.362	368.227.418.089
Giá vốn của thành phẩm	1.370.634.317.731	1.069.506.930.140
Giá vốn của nguyên vật liệu	7.868.324.157	3.744.243.567
Giá vốn của phế phẩm	281.634.569.625	233.936.046.059
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	29.529.197.762	2.026.384.651
Cộng	2.099.500.052.637	1.677.441.022.506

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.475.727.794	4.847.962.768
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	268.594.674	333.510.182
Lãi khách hàng tạm ứng tiền hàng	12.032.602.188	4.610.618.226
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	1.665.190.018	2.714.201.182
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.326.166.719	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.294.925.329	29.393.386.197
Cộng	95.063.206.722	41.899.678.555

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	27.254.304.208	17.457.759.377
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.199.696.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.062.725.913	10.293.773.486
Cộng	53.317.030.121	33.951.228.863

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.447.948.203	3.268.788.077
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	354.960.550	50.720.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	55.980.926	35.235.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.798.189.440	108.043.432.023
Chi phí khác	52.140.072.898	43.919.557.289
Cộng	128.797.152.017	155.317.734.046

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.570.094.485	5.978.731.771
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.714.997.928	541.367.815
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.387.778.948	1.218.874.570
Thuế, phí và lệ phí	1.223.780.905	679.520.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	929.819.250	868.988.835
Chi phí khác	9.303.144.970	9.205.328.966
Cộng	23.129.616.486	18.492.812.099

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.172.573.652	1.422.197.518
Cộng	1.172.573.652	1.422.197.518

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	2.653.163.006	80.933.190
Cộng	2.653.163.006	80.933.190

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Lũy kế 9 tháng đầu năm 2011**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Mua nguyên liệu	24.824.830.140
Bán hàng hóa	134.500.518
Các cá nhân có liên quan	
Mua nguyên liệu	16.209.665.850
Bán hàng hóa	395.769.521

Tại ngày 30/09/2011, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	12.833.529.100	5.613.467.744
Các cá nhân có liên quan	10.000.000.000	93.385.000
Cộng nợ phải thu	22.833.529.100	5.706.852.744

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2011

Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	354.540.240.817
Mua hàng hóa, dịch vụ	586.372.224.140
Cho tạm ứng tiền hàng	130.800.000.000
Lãi cho tạm ứng tiền hàng	10.736.938.889
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	
Bán thành phẩm, hàng hóa	775.586.100.596
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, ủy thác xuất khẩu	28.634.459.988
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất, nhận xuất khẩu ủy thác	16.719.896.958
Nhận ủy thác xuất khẩu	57.488.651.723
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	
Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	35.128.419.350
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất	29.306.018.559
Nhận ủy thác xuất khẩu	425.435.769.811
Tạm ứng tiền hàng	31.057.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 30/09/2011, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải thu tiền tạm ứng tiền hàng	78.500.000.000	70.000.000.000
Phải thu tiền thu hộ	44.561.780.950	17.868.038.116
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải thu tiền hàng	406.225.516.590	317.540.388.928
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng, tiền hàng ủy thác xuất khẩu	6.830.426.046	879.294.941
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng	7.240.091.102	5.343.401.273
Cộng nợ phải thu	<u>543.357.814.688</u>	<u>411.631.123.258</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Mua hàng hóa, dịch vụ	84.712.332.845	105.182.080.412
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải trả khác	138.675.040	128.737.600
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Tiền mua hàng	68.627.488	-
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	8.146.701.798	65.161.572.388
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	142.103.786.516	99.820.646.049
Cộng nợ phải trả	<u>235.170.123.687</u>	<u>270.293.036.449</u>

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 10 năm 2011



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc